



chē zhàn

车站

Noun · rail station

Example Sentences

wǒ zài chē zhàn děng péng you

我在车站等朋友。

I am waiting for my friend at the station.

wǒ zài chē zhàn děng gōng jiāo chē

我在车站等公交车。

I am waiting for the bus at the station.

wǒ zài chē zhàn děng hòu péng you

我在车站等候朋友。

I am waiting for my friend at the station

Trace each character, then write the word on your own.

车	车	车	车	车	车	车								
站	站	站	站	站	站	站	站	站	站	站				
站	站													